

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;

2. Ông Nguyễn Hòa Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/ TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1978. Địa chỉ cư trú: ấp Voi, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976. Địa chỉ cư trú: ấp Voi, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-5-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, N đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2003, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên dùng bạo lực đối với chị, anh H còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị và con của chị bằng những lời hăm dọa, chửi mắng, xua đuổi. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Nguyễn Thị Tường Vy, sinh ngày 31-12-2007 hiện tại cháu Vy đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vy. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Tại các buổi làm việc bị đơn, anh H đã trình bày:

Về hôn nhân: Chị N trình bày về cơ sở hôn nhân như trên là đúng. Tuy nhiên, anh không thống nhất về N nhân mâu thuẫn như lời chị N đã trình bày. N nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do chị N ghen tuông vô cớ, khi anh đi làm về chị N không quan tâm chăm sóc anh, còn có lời lẽ xúc phạm anh. Khi nóng giận anh có chửi mắng, xua đuổi và đánh đập chị Nguyên. Nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị Nguyên. Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyên.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung tên Nguyễn Thị Tường Vy, hiện tại cháu Vy đang sống với chị Nguyên, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vy, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với chị Nguyên. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh đã làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tường Vy cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H , anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H .

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn vào năm 2003, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, chị N và anh H còn thường xuyên gây gổ, chửi mắng và đánh nhau. Mâu thuẫn giữa chị N và anh H ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và cũng không có biện pháp khắc phục. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có một con chung tên Nguyễn Thị Tường Vy, sinh ngày 31-12-2007. Xét thấy, cháu Vy có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn, do từ ngày ly thân đến nay chị N chăm sóc cho cháu Vy đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần nên giao cháu Vy cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Văn H . Chị N được ly hôn với anh H .

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tường Vy, sinh ngày 31-12-2007 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021459 ngày 24-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: chị Trần Thị N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã An Thạnh (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm